

Số: 601/QĐ-KHNN-KH

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược nghiên cứu, phát triển Viện Nghiên cứu Mía đường giai  
đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

#### GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 220/2005/QĐ-TTg ngày 09/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ Thành lập Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 4533/QĐ-BNN-TCCB ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-BNN-TCCB ngày 03/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Mía đường;

Căn cứ Công văn số 4866/BNN-KH ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc rà soát, điều chỉnh, xây dựng chiến lược nghiên cứu, phát triển, quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng các Viện;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-KHNN-KH ngày 14/9/2021 của Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam phê duyệt Chiến lược nghiên cứu, phát triển của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 81/TTr – VMĐ-VP ngày 13/9/2021 của Viện Nghiên cứu Mía đường về việc đề nghị phê duyệt Chiến lược nghiên cứu, phát triển của Viện Mía đường giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Khoa học và Hợp tác quốc tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Chiến lược nghiên cứu, phát triển của Viện Nghiên cứu Mía đường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

**Điều 2.** Căn cứ vào Chiến lược được phê duyệt, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Mía đường có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị triển khai thực hiện theo từng giai đoạn cho phù hợp; định kỳ hàng năm báo cáo Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam về kết quả triển khai Chiến lược của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng ban Ban Tổ chức và Hành chính, Trưởng ban Ban Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trưởng ban Ban Thông tin và Đào tạo, Trưởng ban Ban Tài chính và Kế toán, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Mía đường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KHCN&MT; Vụ KH (để ph/h);
- Lưu: VT, KH.



Nguyễn Hồng Sơn

**CHIẾN LƯỢC NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU MÍA  
ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 60A /QĐ-KHNN-KH ngày 15 tháng 9 năm 2021  
của Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)*

**I. QUAN ĐIỂM**

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (sau đây viết tắt là VAAS) về nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), Viện Nghiên cứu Mía đường (sau đây viết tắt là SRI) cụ thể hóa quan điểm chiến lược nghiên cứu, phát triển giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

a) Xây dựng và phát triển SRI trở thành cơ quan nghiên cứu, phát triển KH&CN mía đường đạt trình độ tiên tiến trong khu vực vào năm 2030.

b) Nghiên cứu, phát triển KH&CN mía đường phải phù hợp với định hướng phát triển tổng thể của ngành nông nghiệp và cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế kinh tế và lợi thế so sánh về đất đai, điều kiện tự nhiên của từng vùng, địa phương, để xây dựng các vùng nguyên liệu mía tập trung, bền vững, phù hợp với công suất chế biến của các nhà máy đường, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, đảm bảo điều kiện thực hiện cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ nhằm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người trồng mía và doanh nghiệp sản xuất, chế biến đường, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, làm giàu và bảo vệ môi trường sinh thái.

c) Nghiên cứu, phát triển KH&CN mía đường phải phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; từng bước đổi mới cơ cấu sản phẩm đường, đồng thời đa dạng hóa các sản phẩm sau đường và cạnh đường, tận dụng tối đa phụ phẩm sau chế biến để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của ngành mía đường Việt Nam;

d) Đảm bảo Viện là nơi nghiên cứu, chọn tạo và cung cấp chủ yếu các giống mía mới có năng suất, chất lượng cao, có đặc tính chống chịu cao với các điều kiện bất thuận (khô hạn, ngập úng, sâu bệnh) cho sản xuất mía đường ở Việt Nam.

đ) Tập trung thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về cây mía. Kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản nhằm nhanh chóng tạo ra các sản phẩm khoa học tiên tiến có tính ứng dụng cao phục vụ phát triển sản xuất.

e) Mở rộng hoạt động nghiên cứu về nông nghiệp phục vụ đô thị, nông nghiệp hữu cơ, một số cây trồng cạn như rau, hoa, cây họ đậu, cây gia vị, cây thuốc, cây lấy củ..., góp phần phục vụ vào sự phát triển nông nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc biệt là vùng Đông Nam Bộ.

g) Tham gia mạng lưới khảo kiểm nghiệm quốc gia về phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

h) Đặt nghiên cứu trong mối quan hệ hợp tác với các đơn vị khác trong VAAS và các doanh nghiệp mía đường để liên kết, phối hợp.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Xây dựng SRI thành một đơn vị nghiên cứu KH&CN ứng dụng và cơ bản vững mạnh, có thể đảm nhiệm thực hiện được các nhiệm vụ KH&CN về mía, đường, do Nhà nước và ngành mía đường giao hoặc đặt hàng trên phạm vi toàn quốc, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành mía đường; đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, từng bước hướng tới thị trường xuất khẩu.

- Mở rộng hoạt động nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp phục vụ đô thị, xây dựng các mô hình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp tập trung quy mô lớn phục vụ công nghiệp chế biến góp phần sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Góp phần thực hiện thành công Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới và đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của nhà nước về sản xuất mía đường; đạt mục tiêu phát triển mía đường đến năm 2030 theo Quyết định số 1369/208/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 18/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề án phát triển mía đường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a) Giai đoạn 2021-2025**

- Đề xuất và thực hiện 1 dự án đầu tư trung hạn: “Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, sản xuất giống mía theo hệ thống 3 cấp”, để nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống mía cho SRI, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành mía đường Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030.

- Đề xuất và thực hiện 1 dự án giống: “Phát triển sản xuất giống mía 3 cấp”, để tạo ra bước đột phá trong việc tăng năng suất và chất lượng mía nguyên liệu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành mía đường.

- Chọn tạo, công bố lưu hành từ 2-3 giống mía và 1-2 quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến kèm theo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây mía và hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến đường.

- Xây dựng 01 bộ tiêu chí để chọn tạo, phát triển giống mía ăn tươi, giống mía sử dụng nước ép đóng hộp cho công nghiệp đồ uống, giống mía cảnh nhằm phục vụ đô thị.

- Xây dựng 01 tiêu chuẩn (hoặc quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật) phục vụ quản lý Nhà nước về mía đường.

- Chủ động tìm kiếm các nguồn lực để tổ chức xây dựng 01 mô hình hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu, xây dựng tủ sách kỹ thuật về khuyến nông cây mía, góp phần vào sự phát triển của kinh tế hợp tác xã trong tình hình mới.

- Mở rộng hoạt động nghiên cứu, tổ chức xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đối với cây rau, cây họ đậu, cây lấy

củ, cây gia vị, cây thuốc và hoa phục vụ đô thị và góp phần vào sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của tỉnh Bình Dương.

- Đến năm 2025, góp phần đưa năng suất mía bình quân toàn quốc lên đạt 70-75 tấn/ha; chữ đường bình quân đạt trên 11,0 CCS; sản lượng mía đạt khoảng 15,0-20,0 triệu tấn; năng suất đường đạt khoảng 7,0-7,5 tấn/ha.

#### **b) Giai đoạn 2026-2030**

- Xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN trong lĩnh vực mía đường của Viện đạt trình độ tiên tiến trong khu vực vào năm 2030.

- Đề xuất và thực hiện 1 dự án đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 để tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cho SRI, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành mía đường Việt Nam trong giai đoạn 2026-2030.

- Đề xuất và thực hiện 1 dự án giống để tăng năng suất đường và hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành mía đường trong thời kỳ hội nhập.

- Chọn tạo, công bố lưu hành từ 3-5 giống mía và 2-3 quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến kèm theo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây mía và hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến đường.

- Chọn tạo, công bố lưu hành 1-2 giống mía ăn tươi, giống mía sử dụng nước ép đóng hộp cho công nghiệp đồ uống, giống mía cảnh nhằm phục vụ đô thị.

- Xây dựng 01 tiêu chuẩn (hoặc quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật) phục vụ quản lý Nhà nước về mía đường.

- Đến năm 2030, góp phần đưa năng suất mía bình quân toàn quốc lên đạt 75-80 tấn/ha; chữ đường bình quân đạt trên 11,5 CCS; sản lượng mía đạt khoảng 20,0-24,0 triệu tấn; năng suất đường đạt khoảng 8,5 tấn/ha.

#### **c) Tầm nhìn đến 2050**

Xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN trong lĩnh vực mía đường của Viện đạt trình độ tiên tiến trên thế giới vào năm 2050.

### **III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

#### **1. Về tổ chức, cán bộ và đào tạo, tăng cường nguồn nhân lực**

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của SRI theo hướng gọn về tổ chức, mạnh về chuyên môn, nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai lộ trình tự chủ theo qui định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nâng cao năng lực quản lý hệ thống của Văn phòng Viện, làm việc theo nhóm và phát huy vai trò của Hội đồng khoa học công nghệ.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho nguồn nhân lực KH&CN trẻ, phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo – nghiên cứu – khuyến nông. Xây dựng hệ sinh thái gắn kết trong công tác đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao KH&CN.

#### **2. Về tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật**

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, sản xuất giống mía theo hệ thống 3 cấp đồng bộ cho SRI và trung tâm trực thuộc, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trình diễn và chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật gắn với đào tạo nguồn nhân lực KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó ưu tiên đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, sửa chữa, cải tạo nâng cấp, mở rộng nhà lưới, nhà kính, hệ thống đường nội đồng, xây dựng hàng rào bảo vệ đồng ruộng thí nghiệm và cơ sở vật chất phục vụ giới thiệu và quảng bá các sản phẩm mía đường.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu bao gồm trụ sở, nhà làm việc, tăng cường năng lực cho các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học và nhân giống, phòng thí nghiệm khoa học đất, phòng phân tích mía, đường. Quy hoạch và hiện đại hoá khu thí nghiệm đồng ruộng cho phù hợp với yêu cầu nghiên cứu và phát triển ở từng giai đoạn.

### **3. Về nghiên cứu khoa học**

#### **a) Nghiên cứu về giống mía**

- Thu thập, bảo tồn nguồn gen giống mía: Tiến hành bảo tồn, duy trì sự đa dạng di truyền của tập đoàn gen giống mía thu thập được bằng phương pháp *ex-situ*, *in-situ* hoặc *in-vitro*, đồng thời từng bước đánh giá, tư liệu hóa, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả chúng làm vật liệu bố mẹ trong lai tạo.

- Nghiên cứu cơ sở di truyền, đánh giá vật liệu khởi đầu và tập đoàn phục vụ cho công tác chọn tạo giống cây trồng.

- Ứng dụng công nghệ chỉ thị phân tử, công nghệ gen, công nghệ tế bào và các công nghệ mới trong nghiên cứu cơ bản và ứng dụng phục vụ công tác chọn tạo giống cây trồng theo hướng nâng cao chất lượng, chống chịu sâu bệnh và thích ứng với điều kiện môi trường bất thuận.

- Nghiên cứu phục tráng, khai thác và phát triển các nguồn gen đã thích ứng cao với bản địa.

- Tiếp cận và liên kết với hệ thống thông tin quốc tế về bảo tồn nguồn gen thực vật, từng bước xây dựng và hoàn thiện ngân hàng dữ liệu về nguồn gen giống mía ở Việt Nam.

- Chọn tạo giống mía mới phục vụ công nghiệp chế biến đường theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với sự thay đổi khí hậu: Khai thác những kiến thức cơ bản về di truyền số lượng, di truyền phân tử nhằm cải tiến năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu, nâng cao khả năng kháng với stress sinh học, chống chịu stress phi sinh học (chú ý khô hạn, mặn, phèn, ngập úng) của các giống mía mới chọn tạo; sử dụng nguồn gen các loài hoang dại cùng họ với mía nhằm chọn tạo các giống mía mới có ưu thế lai, đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng của sản xuất.

- Chọn tạo giống mía ăn tươi và giống mía sử dụng ép lấy nước đóng hộp.

- Chỉ tiêu nghiên cứu về giống:

+ Hàng năm tiến hành thu thập, bổ sung 5-20 mẫu giống, đến năm 2030 quỹ gen mía có 1.400 – 1.500 mẫu giống và đến năm 2050 có 1.500 – 2.000 mẫu giống.

+ Từ nay đến năm 2030 sẽ tiến hành lai tạo trung bình 100 - 150 cặp lai/năm; và sau năm 2030 là 150 - 200 cặp lai/năm.

+ Từ nay đến năm 2030 sẽ chọn tạo, tự công bố lưu hành và phát triển trong sản xuất được từ 5-8 giống mía mới với năng suất trên 110 tấn/ha trong điều kiện có tưới hoặc trên 80 tấn/ha trong điều kiện không tưới và chữ đường đạt trên 11,5 CCS; sau 2030 sẽ là 1 giống mía mới/năm với năng suất trên 120 tấn/ha trong điều kiện có tưới hoặc trên 90 tấn/ha trong điều kiện không tưới và chữ đường đạt trên 12 CCS.

+ Đến năm 2030, giống mía do Việt Nam chọn tạo sẽ chiếm trên 50% diện tích mía nguyên liệu cho sản xuất đường toàn quốc.

## **b) Nghiên cứu về hệ thống kỹ thuật canh tác mía**

- Nghiên cứu cơ bản:

+ Đặc tính lý hóa của đất trồng mía ở từng vùng địa lý khác nhau; các giải pháp hạn chế tác động gây ô nhiễm môi trường do hóa chất tồn lưu; các giải pháp chống sa mạc hóa, thoái hóa đất trên nền tảng những thí nghiệm dài hạn; nghiên cứu ảnh hưởng nóng lên do khí thải hiệu ứng nhà kính như CH<sub>4</sub>, NO<sub>2</sub> và CO<sub>2</sub>.

+ Ảnh hưởng của cơ giới hóa khâu làm đất, hóa học hóa canh tác mía đến lý tính của các loại đất trồng mía chính.

+ Cơ chế tự bảo vệ với hệ gen được kích kháng sâu bệnh hại của mía.

+ Hệ thống truyền tín hiệu trong bộ gen của các loài vi sinh vật hại mía.

+ Phương pháp nhận diện bệnh hại mía bằng chỉ thị phân tử.

- Nghiên cứu ứng dụng:

+ Nghiên cứu về cơ giới hóa canh tác mía: Khảo sát, cải tiến và đưa vào sử dụng các loại máy móc, thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả cho việc trồng, chăm sóc và thu hoạch mía; tiếp nhận và chuyển giao những tiến bộ về công nghệ và thiết bị cơ giới hóa canh tác mía từ khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, bóc và vận chuyển mía nguyên liệu của thế giới cho ngành mía đường Việt Nam; nghiên cứu xây dựng, tổ chức thực nghiệm trình diễn và chuyển giao các quy trình, mô hình cơ giới hóa canh tác mía có hiệu quả kinh tế cao cho sản xuất.

+ Nghiên cứu về quản lý nước ở mức độ hệ thống môi trường; kỹ thuật tưới nước tiết kiệm, sử dụng nước hiệu quả.

+ Nghiên cứu về quản lý dinh dưỡng tổng hợp; quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên thiên nhiên; quản lý dinh dưỡng N, P, K và các yếu tố trung lượng, vi lượng, khuyến cáo bón phân thông qua kết quả phân tích đất và lá mía; quản lý tàn dư cây mía, bùn lọc, bùn thải, bã mía và bồi dưỡng trở lại cho đất; nghiên cứu động thái biến đổi quần thể vi sinh vật trong từng hệ thống canh tác khác nhau.

+ Nghiên cứu về các biện pháp chống suy thoái đất và biến đổi khí hậu.

+ Nghiên cứu về dịch hại mía: Điều tra định kỳ các vùng mía nguyên liệu chính, phát hiện sớm và hướng dẫn, tổ chức phòng trừ kịp thời các dịch hại mía mới xuất hiện một cách hiệu quả; nghiên cứu quy luật phát sinh, lan truyền và gây hại của bệnh thối đỏ, cũng như sự biến đổi của các chủng nấm *Collectotrichum falcatum* gây ra bệnh thối đỏ theo vùng phân bố; đánh giá tính kháng các bệnh hại mía chủ yếu (như bệnh thối đỏ, bệnh than, bệnh thân chồi

đâm ngọn, bệnh mía gốc cần...) của các giống mía mới trước khi phóng thích ra trong sản xuất; nghiên cứu về các tác nhân sinh học đối kháng của các bệnh hại mía chính và phát triển chúng thành các sản phẩm sinh học trừ bệnh; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ và hóa chất mới trong quản lý dịch bệnh hại mía theo hướng thân thiện với môi trường; nghiên cứu đặc điểm sinh vật học, sinh thái học, quy luật phát sinh, phát triển và gây hại của các loài sâu hại mía và những loài thiên địch chủ yếu của chúng; nghiên cứu kỹ thuật nhân nuôi, bảo quản và sử dụng các loài côn trùng ký sinh, con trùng bắt mồi ăn thịt và vi sinh vật có ích (nấm, vi khuẩn, vi rút...) trong phòng trừ các loài sâu hại mía chủ yếu ở các vùng nguyên liệu tập trung; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ và hóa chất mới trong quản lý dịch hại mía ở các vùng nguyên liệu tập trung theo hướng thân thiện với môi trường.

- Trên cơ sở các nghiên cứu trên, từng bước thiết lập, hoàn thiện, thử nghiệm, đánh giá và phổ biến áp dụng các quy trình: Quản lý dịch hại tổng hợp (Integrated Pest Management – IPM), Quản lý Cây trồng Tổng hợp (Integrated Crop Management - ICM), Thực hành Nông nghiệp Tốt (Good Agricultural Practices - GAP) và Thực hành Quản lý Tốt hơn (Better Management Practices- BMP) thích hợp cho từng vùng sinh thái trồng mía.

- Chỉ tiêu nghiên cứu về kỹ thuật canh tác:

+ Từ nay đến 2030: Xây dựng, hoàn thiện và được công nhận từ 3-5 quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến hoặc biện pháp tiến bộ kỹ thuật có khả năng tăng 15-20% năng suất hoặc hiệu quả kinh tế so với quy trình cũ.

+ Nghiên cứu xây dựng quy trình canh tác mía hữu cơ.

### **c) Nghiên cứu về kinh tế mía đường**

- Nghiên cứu thông tin, thị trường, mô hình tổ chức sản xuất, quản lý, giá thành và cơ cấu giá thành mía/đường, năng lực cạnh tranh, lợi thế so sánh của cây mía với các cây trồng khác..., xem xét giá trị cây mía trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ sản phẩm chính, đến sản phẩm theo đường.

- Nghiên cứu xây dựng và đánh giá về hiệu quả của các giải pháp kinh tế trong quản lý sản xuất mía nguyên liệu và chế biến đường.

- Nghiên cứu tổ chức thành lập các hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu, xây dựng các vùng mía nguyên liệu tập trung theo hướng cánh đồng mẫu lớn có hiệu quả kinh tế cao, bền vững.

- Chỉ tiêu nghiên cứu về kinh tế mía đường: Xây dựng mô hình các hợp tác xã sản xuất nhân giống mía và sản xuất mía nguyên liệu đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người trồng mía.

### **d) Nghiên cứu về chính sách**

- Tham gia nghiên cứu, đề nghị Chính phủ xây dựng, ban hành Nghị định về sản xuất và kinh doanh mía đường, tạo hành lang pháp lý điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh mía đường; có chính sách hỗ trợ ngành đường phát triển ổn định, bền vững.

- Tham gia cùng Hiệp hội mía đường Việt Nam xây dựng Quỹ phát triển mía đường để hỗ trợ người trồng mía, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mía

đường phù hợp cơ chế thị trường, hạn chế và tiến tới không hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

- Nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mía đường.

- Nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng một số tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kỹ thuật về sản xuất mía nguyên liệu và chế biến đường.

- Nghiên cứu xây dựng hoặc đề xuất các cơ chế chính sách phát triển mía đường trong mối quan hệ kinh tế hội nhập và toàn cầu hóa.

- Chỉ tiêu nghiên cứu về chính sách:

- + Từ nay đến 2030: Xây dựng hoặc tham gia xây dựng, đề xuất được từ 2-3 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; 1-2 định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về mía đường.

- + Sau 2030: Tham gia xây dựng, đề xuất Chính phủ ban hành Luật hoặc Nghị định về sản xuất và kinh doanh mía đường và các chính sách đi kèm.

#### **đ) Mở rộng các hoạt động nghiên cứu ngoài cây mía**

- Nghiên cứu khoa học về các cây sắn, ngô, đậu các loại, rau, hoa.

- Phối hợp với các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu, có kinh nghiệm, có tiềm lực về tài chính để tổ chức nghiên cứu xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp tập trung phục vụ tiêu thụ ở đô thị và xuất khẩu, tập trung vào các loại rau, hoa, cây lấy củ, cây họ đậu, cây gia vị, cây thuốc, cây cảnh...

#### **4. Về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và phát triển dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh**

Liên kết chặt chẽ với các đơn vị thành viên của VAAS và các doanh nghiệp trong việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và phát triển dịch vụ KH&CN về mía đường, chuyển giao các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp tập trung phục vụ tiêu thụ ở đô thị và xuất khẩu, tập trung vào các loại rau, hoa, cây lấy củ, cây họ đậu, cây gia vị, cây thuốc, cây cảnh...

#### **5. Về hợp tác quốc tế**

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức, cá nhân ngoài nước trong nghiên cứu và phát triển KH&CN mía đường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trồng mía trong đó chú ý hợp tác với Trung Quốc, Thái Lan, Philippines, Cuba, Úc và Ấn Độ để đa dạng hóa nguồn gen, cải tạo và nâng cao chất lượng giống mía.

### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch**

a) Căn cứ quy hoạch chung của tỉnh Bình Dương và các địa phương nơi có trụ sở cơ quan của Văn phòng, Trung tâm trực thuộc Viện, SRI đề xuất xây dựng qui hoạch tổng thể Viện theo hướng tập trung các đơn vị nghiên cứu cơ bản và bộ phận điều hành tại một địa điểm, tạo khuôn viên rộng lớn với nhiều

chức năng chung để tập trung nguồn lực, tiết kiệm chi phí quản lý, khai thác thiết bị, cơ sở hạ tầng, dịch vụ khoa học, đồng thời gắn kết nghiên cứu với đào tạo

b) Xây dựng kế hoạch nghiên cứu dài hạn với mục tiêu cụ thể có thể định lượng được và có thể điều chỉnh hàng năm theo nguyên tắc tạo sản phẩm cụ thể có hiệu quả ứng dụng cao.

c) Tiếp tục xây dựng và phát triển các cơ sở dịch vụ công để hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông nghiệp hàng hóa và phục vụ định hướng tự chủ của đơn vị sự nghiệp khoa học công lập.

## **2. Giải pháp về tổ chức**

a) Tiếp tục triển khai **Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của SRI” giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030**: Rà soát, sắp xếp, sát nhập 2 Trung tâm trực thuộc thành 1 Trung tâm, đảm bảo tính hệ thống và tinh gọn trong bộ máy tổ chức và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm sau sát nhập cho thật phù hợp.

b) Tiếp tục xây dựng và triển khai lộ trình tự chủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Nâng cao năng lực quản lý của Văn phòng Viện thông qua việc hoàn thiện và cập nhật thường xuyên bộ dữ liệu về tổ chức, nhân sự, hoạt động KH&CN, đào tạo và HTQT; tăng cường làm việc theo nhóm; phát huy tối đa vai trò của Hội đồng khoa học công nghệ SRI.

d) Thường xuyên đánh giá, nhận xét, phân loại nhân sự, có chính sách thu hút, tuyển dụng, tăng cường nhân lực có trình độ, năng lực nghiên cứu cao cho các bộ môn và trung tâm nghiên cứu.

đ) Nâng cao chất lượng của Hội đồng khoa học Viện, áp dụng hình thức tư vấn chuyên gia là chủ yếu. Phát huy hơn nữa hoạt động của Hội đồng tư vấn chiến lược KH&CN của Viện.

## **3. Giải pháp về đào tạo, tăng cường nguồn nhân lực**

a) Rà soát, xác định vị trí việc làm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, trình VAAS phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực KH&CN trình độ cao theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm của từng đơn vị dưới hình thức đề nghị gửi đào tạo nước ngoài, đào tạo tập trung trong nước và đào tạo thông qua hợp tác quốc tế đảm bảo mỗi chuyên ngành có từ 1-2 chuyên gia đầu ngành, đủ năng lực chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp Bộ và hợp tác quốc tế.

c) Nâng cao chất lượng và củng cố số lượng nguồn nhân lực KH&CN thông qua việc đề xuất VAAS và Bộ xem xét ban hành cơ chế chính sách đặc thù về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN trong ngành nông nghiệp và điều kiện làm việc đối với cá nhân hoạt động KH&CN.

d) Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế, chủ yếu thông qua các dự án hợp tác song phương và đa phương để chuyên gia vào làm việc tại SRI, đồng thời cán bộ của SRI có điều kiện thực tập tại các phòng thí nghiệm nước ngoài.

Đẩy mạnh các hợp tác truyền thống, mở rộng với các đối tác mới có trình độ nghiên cứu cao trong lĩnh vực phát triển mía đường và đào tạo nguồn nhân lực.

đ) Tiếp tục triển khai công tác đánh giá cán bộ viên chức theo quy định và thực hiện có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng làm động lực cho đổi mới, sáng tạo đối với mỗi cá nhân nhà khoa học và mỗi đơn vị.

#### **4. Giải pháp về đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật**

Đề xuất, xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư trung hạn, dài hạn, trong đó:

a) Tập trung nâng cấp phòng thí nghiệm công nghệ sinh học và nhân giống, phòng thí nghiệm khoa học đất, phòng phân tích mía, đường cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế.

b) Từng bước hiện đại hóa khu thí nghiệm đồng ruộng, hệ thống nhà kính, nhà lưới, hàng rào bảo vệ, máy móc nông nghiệp và các công nghệ tiên tiến phục vụ nghiên cứu; xây dựng nhà văn phòng giao dịch, trưng bày, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm về mía đường.

c) Quy hoạch đồng ruộng, sửa chữa, nâng cấp đường nội bộ, đường lô và kênh mương nội đồng, xây dựng các khu trình diễn nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa và phục vụ định hướng tự chủ của đơn vị sự nghiệp khoa học công lập.

d) Xây dựng kế hoạch nghiên cứu dài hạn với mục tiêu cụ thể có thể định lượng được và có thể điều chỉnh hàng năm theo nguyên tắc tạo sản phẩm cụ thể có hiệu quả ứng dụng cao.

#### **5. Giải pháp về cải tiến cơ chế điều hành**

a) Tạo điều kiện tối đa cho các đơn vị, chủ nhiệm đề tài và các cá nhân hoạt động có hiệu quả trong khuôn khổ quy chế làm việc của SRI và các quy định hiện hành.

b) Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo và kế hoạch, kể cả về thời gian và chất lượng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai và nâng cao chất lượng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

c) Phối hợp giữa nghiên cứu với tổng kết kinh nghiệm sản xuất, kiến thức bản địa để chuyển giao tốt nhất các tiến bộ kỹ thuật ra sản xuất.

d) Tăng cường hợp tác với các địa phương có trồng mía trên toàn quốc để tạo điều kiện mở rộng nghiên cứu, chuyển giao kết quả vào sản xuất, góp phần nâng cao đời sống, an sinh xã hội cho nông dân trồng mía.

#### **6. Giải pháp về thông tin**

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị; số hóa các kết quả nghiên cứu và ứng dụng hiệu quả thành tựu của cách mạng công nghệ lần thứ 4 để tổng hợp số liệu, thông tin, tra cứu và khai thác, sử dụng và chuyển giao kết quả khoa học công nghệ. Định kỳ cập nhật các tiến bộ kỹ thuật, giống, sản phẩm mới và thông tin đến các doanh nghiệp, địa phương.

b) Đẩy mạnh công tác công bố khoa học, ấn phẩm về công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới trên các trang Web, tạp chí, báo viết, báo hình và các phương tiện truyền thông khác để quảng bá các kết quả nghiên cứu cho sản xuất.

c) Xây dựng thư viện điện tử, kết nối với các trung tâm khoa học lớn trong nước và quốc tế để cung cấp và chia sẻ thông tin, tài liệu về KH&CN nói chung và KH&CN nông nghiệp nói riêng.

d) Xây dựng, phát triển văn phòng điện tử và tổ chức khai thác có hiệu quả trong quản lý điều hành.

### **7. Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, dịch vụ KH&CN và sản xuất kinh doanh**

a) Phối hợp tốt với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và hệ thống khuyến địa phương tổ chức trình diễn giống mới, công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới để chuyển giao nhanh kết quả cho nông dân.

b) Liên kết chặt chẽ với các công ty mía đường để thúc đẩy nhanh nhất quá trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, dịch vụ KH&CN và sản xuất kinh doanh.

c) Chú trọng chuyển đổi từ: Nông nghiệp sản lượng cao sang nông nghiệp hiệu quả kinh tế cao. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính hoặc có kinh nghiệm về kỹ thuật, về đầu ra tiêu thụ của sản phẩm để xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao... để sản xuất sản phẩm nông nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **8. Giải pháp về hợp tác quốc tế**

a) Mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức KH&CN mía đường nước ngoài và tổ chức Quốc tế, bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam và nâng cao năng lực tư vấn và đầu tư quốc tế.

b) Xem hợp tác quốc tế về KH&CN là giải pháp quan trọng nhằm thu hút kỹ thuật, chuyên gia, kiến thức về quản lý để “đi tắt đón đầu”. Đồng thời, đây cũng là giải pháp để tăng cường tiềm lực, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực KH&CN trình độ cao.

c) Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và đào tạo thông qua thực hiện các dự án phối hợp và cùng chia sẻ kinh phí.

d) Khuyến khích các nhà khoa học tham gia các mạng lưới KH&CN quốc tế và hội thảo quốc tế.

**VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

